TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN Đ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Hc**

Bản án số: 51/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2019
V/v ly hôn giữa chị M và anh H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ Toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thùy Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Quốc Thịnh
2. Ông Phạm Hồng Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Lệ Trinh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đ, tỉnh Long An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* huyện Cần Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa**: Bà Phan Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cần Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1984;
Địa chỉ: Số 53, Tổ 2, khu Tân X, thị trấn X, huyện C, thành phố H.
- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh H, sinh năm: 1980;
Địa chỉ: Ấp Cầu Tam Binh, xã M, huyện Cần Đ, tỉnh Long An.
(Chị M, anh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10/5/2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: chị và anh H cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn ngày 18/7/2005 tại UBND xã M, huyện Cần Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2005 đến 2009 thì xảy ra mâu thuẩn vì vợ chồng không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã và chính thức ly thân từ ngày 25/8/2015 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 19/6/2005 đang ở với anh H và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 24/02/2009 đang ở với chị từ lúc vợ chồng ly thân đến nay. Do đó, chị yêu cầu

được tiếp tục nuôi cháu Tr, anh H tiếp tục nuôi cháu V, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Chị M có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/6/2019 và ngày 01/7/2019, bị đơn anh Nguyễn Minh H trình bày: anh và chị M cưới nhau năm 2005, sau khi cưới vợ chồng sống tại Cần Đ khoảng 5 năm thì chuyển ra quê chị M ở Hà Nội sống để tiện việc làm ăn. Vợ chồng sống hạnh phúc bình thường. Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 19/6/2005 và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 24/02/2009. Cháu V sức khỏe không tốt nên từ năm cháu vô lớp 1 đã về Cần Đ ở với bà nội đến nay. Năm 2016, anh về lại hẳn Cần Đ sống, không còn về Hà Nội nữa, chị M thì vẫn sống ngoài Hà Nội với cháu Tr. Nay anh nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đồng ý ly hôn với chị M. Anh tôn trọng nguyện vọng của con nên yêu cầu Tòa án giải quyết để anh tiếp tục nuôi cháu V, chị M tiếp tục nuôi cháu Tr, hai bên không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết phần tài sản chung và vợ chồng cũng không có nợ chung.

Anh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án án đã thực hiện đầy đủ các bước tiến hành tố tụng như thông báo thụ lý, thông báo hòa giải giữa các đương sự nên việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt chị M và anh H.

[2]. Về nội dung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Minh H chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 18/7/2005 tại UBND xã M, huyện Cần Đ, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Chị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẩn vợ chồng theo chị M trình bày do trong quá trình chung sống tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường xuyên

cãi vã nhau dẫn đến ly thân năm 2015 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và không có thiện chí hàn gắn với nhau. Đối với anh H cũng xác định không thể thuyết phục chị M để vợ chồng đoàn tụ với nhau.

[4]. Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị M và anh H đã phát sinh mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian vợ chồng ly thân nhau cũng đã lâu. Chị M yêu cầu ly hôn, anh H cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn không thể tiếp tục chung sống nên cần chấp nhận cho chị M được ly hôn với anh H theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về nuôi con chung: chị M và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 19/6/2005 đang ở với anh H và Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 24/02/2009 đang ở với chị M từ lúc vợ chồng ly thân đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Tr, anh H tiếp tục nuôi cháu V phù hợp với nguyện vọng của hai con chung và hai con chung cũng đang có cuộc sống ổn định nên cần chấp nhận. Do chị M và anh H đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[6]. Người không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu người không trực tiếp nuôi con có căn cứ chứng minh bị hạn chế quyền thăm nom con hoặc người trực tiếp nuôi con không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng một vụ án khác.

[7]. Về tài sản chung và nợ chung đương sự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[8]. Về án phí: chị M phải chịu án phí theo qui định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M về việc ly hôn đối với anh Nguyễn Minh H.

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Minh H.

Về nuôi con chung: chị M được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày 24/02/2009, anh H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Hồng V, sinh ngày 19/6/2005, không ai cấp

dưỡng nuôi con cho ai. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001264 ngày 23/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đ, tỉnh Long An. Chị M đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Đ;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang